

Bản án số: **16/2022/DS-ST**

Ngày: 23/02/2022

V/v T/C Hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Linh Đa.

Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hứa Văn Khương.

2. Bà Tăng Thị Bạch Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 23/02/2022, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 253/2021/TLST-DS, ngày 09/7/2021 về việc “Tranh chấp Hợp đồng góp hui”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-DS ngày 17/01/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2022/QĐST-DS ngày 11/02/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Cao Ngọc Y**, sinh năm 1984 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã K, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn:

Bà **Thái Thị H** (vắng mặt)

Ông **Hồ Đắc D** (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp X, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn, qua xem xét lời khai và yêu cầu của các đương sự, qua xét hỏi trước tòa, nội dung vụ án được xác định như sau:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/6/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Cao Ngọc Y trình bày:

Bà làm chủ hui, bà H và ông D là hui viên, bà H và ông D đã tham 13 đây hui tháng, sau khi hót hui xong bà H và ông D không đóng hui chết cho bà, cụ thể như sau:

Dây 1: Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 06/11/2018 âm, mãn ngày 06/9/2020 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hội sống được 06 lần, đến lần thứ 7 (ngày 06/5/2019 âm) bà H, ông D hốt, ra lời 410.000 đồng, hốt được 39.030.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, bà H, ông D đóng hội chết được 14 lần = 28.000.000 đồng. Từ lần thứ 22 đến lần thứ 24 (06/7 đến 06/9 2020 âm - mãn hội), bà H, ông D không đóng hội chết cho bà 03 lần x 2.000.000 đồng = 6.000.000 đồng:

Dây 2: Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2018 âm, mãn ngày 15/10/2020 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hội sống được 04 lần, đến lần thứ 5 (ngày 15/4/2019 âm) bà H, ông D hốt, ra lời 430.000 đồng, hốt được 37.830.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, bà H, ông D đóng hội chết được 15 lần = 30.000.000 đồng. Từ lần thứ 21 đến lần thứ 24 (ngày 15/7 đến 15/10/2020 âm - mãn hội), bà H, ông D không đóng hội chết cho bà 04 lần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Dây 3: Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/12/2018 âm, mãn ngày 15/10/2020 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D hốt đầu, ra lời 600.000 đồng, hốt được 32.200.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, bà H, ông D đóng hội chết được 19 lần = 38.000.000 đồng. Từ lần thứ 21 đến lần thứ 24 (ngày 15/7 đến 15/10/2020 âm - mãn hội) bà H, ông D không đóng hội chết cho bà 04 lần x 2.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Dây 4: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 27/01/2019 âm, mãn ngày 27/11/2020 âm, có 24 phần. bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hội sống được 04 lần, đến lần thứ 5 (ngày 27/5/2019 âm), bà H, ông D ra lời 170.000 đồng, hốt được 19.770.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, bà H, ông D đóng hội chết được 14 lần = 14.000.000 đồng. Từ lần thứ 20 đến lần thứ 24 (ngày 27/7 đến 27/11/2020 âm - mãn hội), bà H, ông D không đóng hội chết cho bà 05 lần x 1.000.000 đồng = 5.000.000 đồng.

Dây 5: Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2019 âm, mãn ngày 15/02/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D), bà H, ông D đóng hội sống được 02 lần, đến lần thứ 3 (ngày 15/6/2019 âm) thì bà H, ông D ra lời 350.000 đồng, hốt được 38.650.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, bà H, ông D đóng hội chết được 13 lần = 26.000.000 đồng. Từ lần thứ 17 đến lần thứ 24 (ngày 15/7/2020 đến 15/02/2021 âm - mãn hội) bà H, ông D không đóng hội chết cho bà 08 lần x 2.000.000 đồng = 16.000.000 đồng

Dây 6: Hội tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/4/2019 âm, mãn ngày 15/02/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D), bà H, ông D đóng hội sống được 07 lần, đến lần thứ 8 (ngày 15/11/2019 âm) thì bà H, ông D ra lời 210.000 đồng, hốt được 19.640.000 đồng, sau khi hốt hội xong bà H, ông D đóng hội chết được 08 lần = 8.000.000 đồng. Từ lần thứ 17 đến lần thứ 24 (ngày 15/7/2020 đến 15/02/2021 âm - mãn hội) bà H, ông D không đóng hội chết cho bà 08 lần x 1.000.000 đồng = 8.000.000 đồng.

Dây 7: Hội tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 06/5/2019 âm, mãn ngày 06/3/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hội sống được 04 lần, đến lần thứ 5 (ngày 06/9/2019 âm) thì bà H, ông D ra lời 390.000 đồng, hốt được 38.590.000 đồng. Sau khi hốt hội xong, bà H, ông D đóng hội chết được 10 lần = 20.000.000 đồng. Từ lần thứ 16 đến lần thứ 24 (ngày 06/7/2020 đến 06/3/2021 âm - mãn hội) bà H, ông D không đóng hội chết cho bà 09 lần x 2.000.000 đồng = 18.000.000 đồng.

Dây 8: Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 15/6/2019 âm, mãn ngày 15/4/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hui sống được 01 lần, đến lần thứ 2 (ngày 15/7/2019 âm) thì bà H, ông D ra lời 420.000 đồng, hốt được 36.760.000 đồng. Sau khi hốt hui xong, bà H, ông D đóng hui chết được 12 lần = 24.000.000 đồng. Từ lần thứ 15 đến lần thứ 24 (ngày 15/7/2020 đến 15/4/2021 âm – mãn hui) bà H, ông D không đóng hui chết cho bà 10 lần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng.

Dây 9: Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/6/2019 âm, mãn ngày 15/4/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hui sống được 01 lần, đến lần thứ 2 (ngày 15/7/2019 âm) thì bà H, ông D ra lời 200.000 đồng, hốt được 18.600.000 đồng. Sau khi hốt hui xong, bà H, ông D đóng hui chết được 12 lần = 12.000.000 đồng. Từ lần thứ 15 đến lần thứ 24 (ngày 15/7/2020 đến 15/4/2021 âm – mãn hui), bà H, ông D không đóng hui chết cho bà 10 lần x 1.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

Dây 10: Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 27/7/2019 âm, mãn ngày 27/5/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hui sống được 07 lần, đến lần thứ 8 (ngày 27/02/2020 âm) thì bà H, ông D ra lời 300.000 đồng, hốt được 18.200.000 đồng. Sau khi hốt hui xong, bà H, ông D đóng hui chết được 05 lần = 5.000.000 đồng. Từ lần thứ 14 đến lần thứ 23 (ngày 27/7/2020 đến 27/4/2021 âm), bà H, ông D không đóng hui chết cho bà 10 lần x 1.000.000 đồng = 10.000.000 đồng. *Dây hui này còn lại 01 lần chưa đến hạn.*

Dây 11: Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 27/7/2019 âm, mãn ngày 27/5/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hui sống được 02 lần, đến lần thứ 3 (ngày 27/9/2019 âm) thì bà H, ông D ra lời 360.000 đồng, hốt được 38.440.000 đồng. Sau khi hốt hui xong, bà H, ông D đóng hui chết được 10 lần = 20.000.000 đồng. Từ lần thứ 14 đến lần thứ 23 (ngày 27/7/2020 đến 27/4/2021 âm) bà H, ông D không đóng hui chết cho bà 10 lần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. *Dây hui này còn lại 01 lần chưa đến hạn.*

Dây 12: Hui tháng 1.000.000 đồng, mở ngày 15/10/2019 âm, mãn ngày 15/8/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 01 phần (để tên Di H - D). Bà H, ông D đóng hui sống được 03 lần, đến lần thứ 4 (ngày 15/01/2020 âm) thì bà H, ông D ra lời 260.000 đồng, hốt được 17.800.000 đồng. Sau khi hốt hui xong, bà H, ông D đóng hui chết được 06 lần = 6.000.000 đồng. Từ lần thứ 11 đến lần thứ 20 (ngày 15/7/2020 đến 15/4/2021 âm) bà H, ông D không đóng hui chết cho bà 10 lần x 1.000.000 đồng = 10.000.000 đồng. *Dây hui này còn lại 04 lần chưa đến hạn.*

Dây 13: Hui tháng 2.000.000 đồng, mở ngày 27/10/2019 âm, mãn ngày 27/8/2021 âm, có 24 phần, bà H và ông D tham gia 02 phần (để tên Di H - D).

Phần 1: Bà H, ông D đóng hui sống được 02 lần. Đến lần khai thứ 03 (ngày 27/12/2019 âm) thì bà H, ông D ra lời 550.000 đồng, hốt được số tiền 34.450.000 đồng. Bà H, ông D đóng hui chết được 07 lần = 14.000.000 đồng. Từ lần thứ 11 đến lần thứ 20 (ngày 27/7/2020 đến 27/4/2021 âm) bà H, ông D không đóng hui chết cho bà 10 lần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. *Phần hui này còn lại 04 lần chưa đến hạn.*

Phần 2: Bà H, ông D đóng hui sống được 09 lần. Đến lần khai thứ 10 (ngày 27/6/2020 âm) thì bà H, ông D ra lời 400.000 đồng, hốt được số tiền 40.400.000 đồng. Sau khi hốt hui xong, bà H, ông D không đóng hui chết cho bà, từ lần thứ 11 đến lần thứ 20

(ngày 27/7/2020 đến 27/4/2021) bà H, ông D không đóng hui chết cho bà 10 lần x 2.000.000 đồng = 20.000.000 đồng. *Phần hui này còn lại 04 lần chưa đến hạn.*

Tổng cộng: 13 dây hui tháng, bà H và ông D còn nợ bà Y tiền hui chết đã đến hạn là 179.000.000 đồng.

Nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D trả cho bà tiền hui còn thiếu là 179.000.000 đồng

Đối với các bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D: Từ khi Tòa án thụ lý giải quyết cho đến nay, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho bà H và ông D (trong đó có nhiều lần ông bà từ chối nhận văn bản) nhưng ông bà không tham gia tố tụng nên Tòa án không thể thu thập được lời khai và ý kiến của bà H và ông D.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, bị đơn vắng mặt nên các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách phát biểu ý kiến:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 như thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, quan hệ tranh chấp, thu thập chứng cứ, tuy nhiên còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Cao Ngọc Y yêu cầu bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D trả cho bà số tiền hui còn thiếu là 179.000.000 đồng. Bị đơn bà H và ông D đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng ông D và bà H không có ý kiến phản đối và không đến tham gia hòa giải. Qua đó cho thấy bị đơn ông D và bà H đã biết việc khởi kiện của bà Y nhưng không thể hiện ý kiến của mình về việc khởi kiện của nguyên đơn. Do đó, đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, giữa bà Y, ông D, bà H đã tự nguyện xác lập hợp đồng góp hui, hui có lãi và hưởng hoa hồng, trong đó bà Y là chủ hui và bà H và ông D là hui viên. Quá trình tham gia hui, bà Y đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của hui viên là giao tiền hui cho hui viên lĩnh hui. Ông D và bà H đã hót hui nhưng không đóng hui chết cho bà Y. Bà Y, ông D, bà H là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, giao kết hợp đồng góp hui là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc, không vi phạm điều cấm của pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hui phía ông D, bà H có lỗi khi hót hui không đóng hui chết cho bà Y, do đó bà Y khởi kiện yêu cầu Thái Thị H và ông Hồ Đắc D trả cho bà số tiền hui còn thiếu là 179.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 92, Điều 227, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu phường. Điều 24 Nghị định 19/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D trả cho nguyên đơn bà Y số tiền hội còn thiếu là 179.000.000 đồng. Bị đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét thấy, tại phiên tòa các bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn bà Cao Ngọc Y cho rằng, bà là chủ hội, vợ chồng bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D là hội viên, đã tham gia 13 dây hội tháng do bà Y làm chủ hội, cụ thể như trên. Tất cả 13 dây hội này vợ chồng bà Y, ông D đã hốt và đóng lại một phần hội chết. Tính đến ngày nguyên đơn khởi kiện (ngày 29/6/2021), tổng cộng 13 dây hội tháng, bà H và ông D còn nợ hội chết của bà Y là 179.000.000 đồng gồm: dây 1: 6.000.000 đồng + dây 2: 8.000.000 đồng + dây 3: 8.000.000 đồng + dây 4: 5.000.000 đồng + dây 5: 16.000.000 đồng + dây 6: 8.000.000 đồng + dây 7: 18.000.000 đồng + dây 8: 20.000.000 đồng + dây 9: 10.000.000 đồng + dây 10: 10.000.000 đồng + dây 11: 20.000.000 đồng + dây 12: 10.000.000 đồng + dây 13: 40.000.000 đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án; ông bà cũng biết bà Y đang khởi kiện nhưng nhiều lần từ chối nhận văn bản của Tòa án. Hội đồng xét xử thấy rằng, do bà H và ông D không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả số tiền hội chết đã đến hạn còn nợ là 179.000.000 đồng nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Hợp đồng góp hội giữa bà Y và vợ chồng bà H, ông D được lập trên cơ sở tự nguyện của các bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, khi giao kết hợp đồng, các đương sự là những người có đủ năng lực hành vi dân sự nên giao dịch trên giữa các đương sự là hợp pháp. Trong quá trình thực hiện hợp đồng góp hội, bà H và ông D đã vi phạm nghĩa vụ khi không đóng đầy đủ tiền hội chết cho chủ hội như đã giao kết.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 16, 18,

Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y.

[3] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát: Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách như đã phân tích trên.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định là $179.000.000 \text{ đồng} \times 5\% = 8.950.000 \text{ đồng}$.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 27, khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

- Căn cứ Điều 16, 18, 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, biếu, phường;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

TUYÊN XỬ:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc các bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn bà Cao Ngọc Y số tiền nợ hụi là 179.000.000 đồng.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Cao Ngọc Y có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng các bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D còn phải có trách nhiệm liên đới trả lãi cho bà Cao Ngọc Y theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Các bị đơn bà Thái Thị H và ông Hồ Đắc D phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá là 8.950.000 đồng.

Bà Cao Ngọc Y được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.475.000 đồng từ Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010000 ngày 08/07/2021 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng đã thu.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đối với người vắng mặt được tính từ ngày

nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật, để Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Kế Sách;
- Chi cục THADS huyện Kế Sách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Linh Đa